Công ty quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Quỹ đầu tư chứng khoán: Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ĐÓNG

Kỳ báo cáo:	Quý
Quý/Bán niên:	III
Năm:	2016

Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC

STT	Nội dung	Tên sheet
1	Bảng cân đối kế toán	BangCanDoiKeToan_06024
2	Báo cáo kết quả hoạt động	BCKetQuaHoatDongKinhDoanh_06025
3	Báo cáo tài sản	BCTaisan_06100
4	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng	GTTaiSanRong_06101
5	Báo cáo danh mục đầu tư	BCDanhMucDauTu_06102

Ghi chú

Không đổi tên sheet
Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã chỉ tiêu".

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2016

Ngân hàng giám sát		Công ty quản lý quỹ		
Phụ trách bộ phận giám sát	**Giám đốc**	**Người lập biểu**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
	PHÓ GIÁM ĐỐC Lê Mỹ Linh			Nguyễn Thanh Thảo Chủ tịch HĐQT

Mẫu số B01-QĐT
Ban hành theo QĐ số 63 /2005/QĐ - BTC
ngày 14 /9 /2005 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT (TVAM)
Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (TVGF) **Báo cáo tài chính**
Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM Quý 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A.	**TÀI SẢN**				
1.	Tiền gửi ngân hàng	110		64,757,345,236	93,594,241,025
2.	Đầu tư chứng khoán	120		98,321,178,000	60,555,238,000
	2.1. Giá gốc chứng khoán(*)			*94,920,547,364*	*59,635,136,000*
	2.2. Chênh lệch đánh giá lại			*3,400,630,636*	*920,102,000*
3.	Đầu tư khác	121			
4.	Phải thu hoạt động đầu tư	130		423,771,638	261,597,222
5.	Phải thu khác	131			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**200**		**163,502,294,874**	**154,411,076,247**
B.	**NGUỒN VỐN**				
I.	**Nợ phải trả**	**300**		**3,718,888,507**	**3,196,138,519**
1.	Vay ngắn hạn	310			
2.	Phải trả hoạt động đầu tư	311		3,143,660,000	3,056,812,000
3.	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	312			
4.	Phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ	314			
5.	Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ, NH giám sát	315		568,952,804	133,969,660
6.	Phải trả khác	318		6,275,703	5,356,859
II.	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**400**		**159,783,406,367**	**151,214,937,728**
1.	Vốn góp của các nhà đầu tư	410		150,000,000,000	150,000,000,000
1.1.	*Vốn góp*	*411*		*150,000,000,000*	*150,000,000,000*
1.2.	*Thặng dư vốn*	*412*		-	-
2.	Kết quả hoạt động chưa phân phối	420		*9,783,406,367*	*1,214,937,728*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	**430**		**163,502,294,874**	**154,411,076,247**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
2.	Ngoại tệ các loại		-	-
3.	Chứng khoán theo mệnh giá		48,367,060,000	25,649,960,000

Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Hà Thành	Công ty CP Quản lý Quỹ
Bà Lê Mỹ Linh	Bà Nguyễn Thanh Thảo
Phó Giám đốc	Chủ tịch HĐQT

Mẫu số B02-QĐT
Ban hành theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT (TVAM)
Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (TVGF) **Báo cáo tài chính**
Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM Quý 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Quý 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước	
		Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
A/ Xác định KQHĐ đã thực hiện	A1				
I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện	**10**	**6,729,010,803**	**7,278,276,167**		
1. Cổ tức được nhận	11	1,716,007,750	1,846,067,750		
2. Lãi trái phiếu được nhận	12		-		
3. Lãi tiền gửi	13	773,389,289	1,192,594,653		
4. Thu nhập bán chứng khoán	14	4,239,613,764	4,239,613,764		
5. Thu nhập khác	18		-		
II. Chi phí	**30**	**641,070,800**	**895,500,436**		
1. Phí quản lý quỹ	31	434,521,504	559,886,970		
2. Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ	32	45,549,275	74,181,832		
3. Chi phí họp, đại hội	33		6,881,000		
4. Chi phí kiểm toán	34	30,000,000	30,000,000		
5. Chi phí tư vấn định giá	35		-		
6. Phí và chi phí khác	38	131,000,021	224,550,634		
III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ	**50**	**6,087,940,003**	**6,382,775,731**		
B/ Xác định kết quả chưa thực hiện	B1				
I. Thu nhập	**60**	**4,248,760,507**	**6,623,787,507**		
1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	4,248,760,507	6,623,787,507		
2. Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	62		-		
II. Chi phí	**70**	**1,768,231,871**	**3,223,156,871**		
1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	1,768,231,871	3,223,156,871		
2. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72		-		
III. Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ	**80**	**2,480,528,636**	**3,400,630,636**		

Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Hà Thành | **Công ty CP Quản lý Quỹ**

Bà Lê Mỹ Linh
Phó Giám đốc

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch HĐQT

Mẫu số B 05-QĐT
Ban hành kèm theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT (TVAM)
Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (TVGF) **Báo cáo tài chính**
Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM Quý 03 năm 2016

BÁO CÁO TÀI SẢN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/cùng kỳ năm trước
I	**Tài sản**	2200			
I.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2201	64,757,345,236	93,594,241,025	
	Tiền	*2202*			
	Tiền gửi ngân hàng	*2203*	*64,757,345,236*	*93,594,241,025*	
	Các khoản tương đương tiền	*2204*			
I.2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)	2205	98,321,178,000	60,555,238,000	
	Cổ phiếu niêm yết	*2205.1*	*93,609,408,000*	*60,555,238,000*	
	Cổ phiếu chưa niêm yết	*2205.2*	*4,711,770,000*		
I.3	Cổ tức, trái tức được nhận	2206	400,007,750		
I.4	Lãi được nhận	2207	23,763,888	261,597,222	
I.5	Tiền bán chứng khoán phải thu	2208			
	Phải thu bán cổ phiếu	*2208.1*			
	Phải thu bán trái phiếu	*2208.2*			
I.6	Các khoản phải thu khác	2210			
I.7	Các tài sản khác	2211			
I.8	**Tổng tài sản**	**2212**	**163,502,294,874**	**154,411,076,247**	
II	Nợ	2213			
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	2214	3,143,660,000	3,056,812,000	
	Phải trả mua cổ phiếu niêm yết	*2214.1*	*3,143,660,000*	*3,056,812,000*	
II.2	Các khoản phải trả khác	2215	575,228,507	139,326,519	
II.3	Tổng nợ	2216	**3,718,888,507**	3,196,138,519	
	Tài sản ròng của quỹ (I.8-II.3)	**2217**	**159,783,406,367**	**151,214,937,728**	
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	2218	15,000,000	15,000,000	
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2219	10,652	10,081	

Ghi chú : Trong kỳ Quỹ không có số dư về các khoản vay tiền, hợp đồng Repo, các khoản cho vay chứng khoán và hợp đồng Reverse Repo

Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Hà Thành **Công ty CP Quản lý Quỹ**

Bà Lê Mỹ Linh **Bà Nguyễn Thanh Thảo**

Mẫu số B 06-QĐT

Ban hành kèm theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT (TVAM)
Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (TVGF)
Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Quý 03 năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo của năm trước
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	4020	151,214,937,728	
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	4021	8,568,468,639	
	Trong đó:	4022		
1	*Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ*	4023	8,568,468,639	
2	*Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ*	4024		
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	4025	159,783,406,367	

Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Hà Thành

Bà Lê Mỹ Linh
Phó Giám đốc

C.ty CP Quản lý Quỹ Thiên Việt

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch HĐQT

Mẫu số B 07-QĐT
Ban hành kèm theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005
của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT (TVAM)
Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (TVGF)
Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính : VNĐ đồng

STT	Loại tài sản	Mã chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của quỹ
I	**Cổ phiếu niêm yết**	**2246**				
1	GSP	4030.1	230,000	13,250	3,047,500,000	1.86%
2	PVS	4030.2	50,000	21,200	1,060,000,000	0.65%
3	PVS mua chờ về	4030.3	50,000	21,200	1,060,000,000	0.65%
4	TNG	4030.4	274,410	15,500	4,253,355,000	2.60%
5	TNG cổ tức bằng CP	4030.5	25,000	15,500	387,500,000	0.24%
6	TNG cổ phiếu thưởng	4030.6	590	15,500	9,145,000	0.01%
7	FCN	4030.7	410,000	20,800	8,528,000,000	5.22%
8	HPG	4030.8	150,000	45,700	6,855,000,000	4.19%
9	VSC	4030.9	6	68,000	408,000	0.00%
10	CEO	4030.10	300,000	10,000	3,000,000,000	1.83%
11	FPT	4030.11	380,000	46,650	17,727,000,000	10.84%
12	FPT mua chờ về	4030.12	10,000	46,650	466,500,000	0.29%
13	LDG	4030.13	602,000	6,800	4,093,600,000	2.50%
14	LDG cổ tức bằng CP	4030.14	108,000	6,800	734,400,000	0.45%
15	PXS	4030.15	160,000	12,900	2,064,000,000	1.26%
16	PXS mua chờ về	4030.16	40,000	12,900	516,000,000	0.32%
17	PDB	4030.17	200,000	22,800	4,560,000,000	2.79%
18	HCM	4030.18	420,000	29,400	12,348,000,000	7.55%
19	GMD	4030.19	340,000	29,300	9,962,000,000	6.09%
20	CII	4030.20	270,000	29,500	7,965,000,000	4.87%
21	VGC	4030.21	60,000	17,200	1,032,000,000	0.63%
22	REE	4030.22	75,000	21,600	1,620,000,000	0.99%
23	CSM	4030.23	100,000	23,200	2,320,000,000	1.42%
	...				-	0.00%
	Tổng	**2247**			**93,609,408,000**	**57.25%**
II	**Cổ phiếu không niêm yết**	**2248**				
1	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Tiên Phong	4032.1	581,700	8,100	4,711,770,000	2.88%
2	.....	4032.2			-	0.00%
	Tổng	**2249**	**581,700**		**4,711,770,000**	**2.88%**
	Tổng các loại cổ phiếu	**2250**	**581,700**		**98,321,178,000**	**60.13%**
III	**Trái phiếu**	**2251**				
1	.....	2251.1			-	0.00%

2	.....	2251.2			-	0.00%
	Tổng	**2252**			**-**	**0.00%**
IV	**Các loại chứng khoán khác**	**2253**				
1	.....	2253.1			-	0.00%
2	.....	2253.2			-	0.00%
	Tổng	**2254**			**-**	**0.00%**
	Tổng các loại chứng khoán	**2255**	**581,700**		**98,321,178,000**	**60.13%**
V	**Các tài sản khác**	**2256**				
1	Tiền gửi có kì hạn trên 3 tháng	4040.1				0.00%
2	Tiền cổ tức sẽ được nhận	4040.2			400,007,750	0.24%
3	Tiền trái tức sẽ được nhận	4040.3				0.00%
4	Lãi tiền gửi được nhận	4040.4			23,763,888	0.01%
5	Phải thu bán chứng khoán	4040.5				0.00%
6	Phải thu khác	4040.6				0.00%
7	Tài sản khác	4040.7				0.00%
	Tổng	**2257**			**423,771,638**	**0.26%**
VI	**Tiền**	**2258**				
1	Tiền gửi ngân hàng	4043			64,757,345,236	39.61%
2	Chứng chỉ tiền gửi	4044				0.00%
3	Công cụ chuyển nhượng	4045				0.00%
	Tổng	**2262**			**64,757,345,236**	**39.61%**
VII	**Tổng giá trị danh mục**	**2263**			**163,502,294,874**	**100.00%**

Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Hà Thành

Bà Lê Mỹ Linh
Phó Giám đốc

Công ty CP Quản lý Quỹ

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 03 năm 2016

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Thông tin chung về Quỹ

- Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng TVAM được thành lập theo mô hình quỹ đóng (đại chúng) và quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt

- Công ty quản lý quỹ: Là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt, hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; Quyết định số 379/QĐ-UBCK về việc bổ sung Giấy phép hoạt động quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/6/2007; Giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/5/2015; và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/9/2015; thực hiện các ngành nghề kinh doanh như quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư. Công ty quản lý quỹ được nhà đầu tư uỷ thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy đinh tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.

- Ngân hàng giám sát: Là Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, Giấy CNĐKHĐ-CN số: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015 và được cấp Giấy chứng nhận Chi nhánh Hoạt động lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký cấp ngày 30 tháng 12 năm 2014, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của quỹ. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.

- Công ty kiểm toán: Là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định theo quy định của Điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ.

Chiến lược đầu tư

- Tìm kiếm những cơ hội đầu tư độc quyền: Quỹ sẽ tận dụng lợi thế của đội ngũ quản lý nội địa gồm Hội đồng đầu tư và Giám đốc đầu tư với nhiều mối quan hệ và kinh nghiệm thực tế để tìm kiếm những cơ hội đầu tư độc quyền. Đây là một lợi thế cạnh tranh lớn mà hầu hết các nhà quản lý quỹ đầu tư tại Việt Nam thường xuyên phải đối mặt do gặp những rào cản lớn bao gồm ngôn ngữ, phong tục địa phương, và hạn chế giới hạn đầu tư hợp pháp.

- Đầu tư vào những doanh nghiệp mục tiêu: Quỹ tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp có đội ngũ quản lý mạnh với bề dày kinh nghiệm thị trường, tài chính minh bạch và lành mạnh, mô hình kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng cao, sản phẩm hoặc dịch vụ khác biệt, lợi thế cạnh tranh cao, thị phần đáng kể, và một chiến lược thoái vốn rõ ràng cho các nhà đầu tư.

- Tập trung vào những danh mục tài sản chính: Trong khi phần lớn các quỹ đầu tư tại Việt Nam có xu hướng tập trung vào một phân khúc thị trường cụ thể, Công ty quản lí quỹ Thiên Việt tìm kiếm các cơ hội đầu tư mang lại lợi nhuận cao hơn trung bình ở tất cả phân khúc thị trường, chứ không chỉ tập trung vào một vài phân khúc.

II NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng đối với kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 20 tháng 05 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng Chế độ Kế toán Quỹ Đầu tư Chứng khoán ban hành theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Kế toán các khoản đầu tư

A. Định giá cổ phiếu

1. Định giá cổ phiếu niêm yết:

Giá của cổ phiếu niêm yết được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.

2. Định giá cổ phiếu chưa niêm yết

- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:
+ Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc
+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
+ Giá trị sổ sách; hoặc
+ Giá mua; hoặc
+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 03 năm 2016

3. Định giá cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch

- Là một trong các mức giá sau:
+ Giá trị sổ sách; hoặc
+ Mệnh giá; hoặc
+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

4. Định giá cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản

- Là một trong các mức giá sau:
- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

B. Định giá trái phiếu

1. Trái phiếu niêm yết

- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

2. Trái phiếu chưa/không niêm yết:

- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

4.3 Kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

4.4 Kế toán các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả phụ cấp Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Quỹ có thể tăng hay giảm Vốn điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật được Đại hội thành viên chấp thuận và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản thu nhập

Các khoản thu nhập của Quỹ bao gồm: Cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi, thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ và các khoản thu nhập khác. Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi: được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn chứng từ.

4.8 Phân phối thu nhập của Quỹ

Phần còn lại của thu nhập của Quỹ sau khi trừ các chi phí của Quỹ được phân phối cho người đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải đảm bảo nguyên tắc:

- Chỉ người đầu tư được ghi tên trong danh sách người đầu tư lập vào ngày đăng ký cuối cùng được quyền nhận thu nhập phân phối;
- Thu nhập phân phối cho các thành viên góp vốn phải là thu nhập thực tế phát sinh mà Quỹ nhận được bằng tiền mặt vào ngày có quyết định về mức thu nhập phân phối;
- Sau khi phân phối thu nhập cho các thành viên góp vốn, Quỹ vẫn phải đảm bảo khả năng thanh toán mọi khoản nợ đến hạn phải trả của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thay mặt các thành viên góp vốn thực hiện việc khấu trừ và đóng bất kỳ loại thuế nào áp dụng đối với thu nhập được phân chia cho các thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp thành viên góp vốn là tổ chức Việt Nam lựa chọn phương thức tự kê khai và đóng thuế đối với lợi nhuận thu được từ việc đầu tư vào Quỹ, thành viên góp vốn đó phải thông báo trước cho Công ty quản lý Quỹ và có trách nhiệm kê khai và đóng thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4.10 Một số vấn đề khác

Giá trị tài sản ròng của Quỹ là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ phải trả của Quỹ tại thời điểm định giá.

Giá trị đơn vị Quỹ được tính bằng cách chia tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên Bảng cân đối kế toán cho tổng số đơn vị Quỹ tại thời điểm đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 03 năm 2016

V Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
I	**Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư**		
1	Tỷ lệ các loại chứng khoán trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	60.13%	60.13%
2	Tỷ lệ các loại cổ phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	60.13%	60.13%
3	Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	57.25%	57.25%
4	Tỷ lệ các loại cổ phiếu chưa niêm yết trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	2.88%	2.88%
5	Tỷ lệ các loại trái phiếu trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0.00%	0.00%
6	Tỷ lệ các loại chứng khoán khác trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0.00%	0.00%
7	Tỷ lệ tiền gửi NH trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	39.61%	39.61%
8	Tỷ lệ bất động sản trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	0.00%	0.00%
9	Tỷ lệ thu nhập bình quân (cả thu nhập từ lãi, cổ tức, chênh lệch giá) so với tổng giá trị tài sản của Quỹ	6.71%	6.71%
10	Tỷ lệ chi phí bình quân trong tổng giá trị tài sản của Quỹ	1.47%	1.47%
II	**Các chỉ số thị trường**		
1	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	15,000,000	15,000,000
2	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	0.00%	0.00%
3	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	93.27%	93.27%
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	0.00%	0.00%
5	Tỷ lệ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ so với giá trị tài sản ròng cuối kỳ	0.00%	0.00%
6	Giá trị đơn vị quỹ cuối kỳ	10,652	10,652

Ngày 18 tháng 10 năm 2016

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Hà Thành

Bà Lê Mỹ Linh
Phó Giám đốc

Công ty CP Quản lý Quỹ

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch HĐQT